

## ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

**Đại Tỳ Cầu Bồ Tát:** tên phạn là **Mahā-pratisārah**, dịch âm là Ma Ha Bát La Đề Tát Lạc, tức **Đại Tỳ Cầu Bồ Tát**, lược xưng là Tỳ Cầu Bồ Tát. Ngài là một Hóa Thân của **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) và là một Tôn trong **Quán Âm Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) của Mật Giáo.

Do Tôn này có Nguyên Lực rất thâm sâu, thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh khiến cho được viên mãn, lại diệt trừ Tội Vô Giá; trừ tai nạn về nước, lửa, đao binh, thuốc độc; trừ nạn Rồng Cá; miễn trừ nạn vua quan; cầu mưa; làm ngưng mưa gió; ban cho con cái, giúp cho vãng sinh về cõi Cực Lạc.... nên có tên là **Đại Tỳ Cầu Cầu** và là vị Bồ Tát thuộc tín ngưỡng trong thời Mạt Thế



— Kinh **Đại Tỳ Cầu Đà La Ni** ghi nhận là: “Nếu như có người nào nghe thấy Chú này, liền hay tiêu diệt tội chướng. Nếu thọ trì đọc tụng, thì lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chằng thể gây thương tích, chất độc chẳng thể hại, hay được sự hộ thủ của tất cả Hộ Pháp. Nếu viết chép Chú này đeo ở trên cánh tay và ở dưới cổ, thì người này thường hay được sự gia trì của tất cả Như Lai”.

— Trong **Phật** nói **Kinh Tỳ Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú** ghi nhận Công Đức của **Đại Tỳ Cầu Bồ Tát Thần Chú** này là: “Đại Tỳ Cầu này tức là Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú, hay ban cho chúng sinh sự an vui tối thắng, chẳng bị tất cả Dạ Xoa, La Sát và các bệnh điên loạn, cùi hủi, Quỷ đói, Quỷ Tắc Kiến Đà, các hàng Quỷ Thần gây nhiễu; cũng chẳng bị bệnh nóng lạnh xâm tổn. Nơi cư ngụ luôn luôn được thù thắng, chẳng bị sự xâm hại về chiến đấu oán thù, lại hay đập tan kẻ địch, chú trừ yểm đảo chẳng có thể làm hại, tội của nghiệp trước thấy đều tiêu diệt, chất độc chẳng thể hại, lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chằng thể gây thương tích,

nước chẳng thể cuốn chìm, chẳng bị sấm chớp, sét đánh, gió ác, mưa bão không đúng thời.... gây tổn hại.

Nếu có người Thọ Trì Thần Chú này thì nơi cư ngụ được thù thắng. Nếu có thể viết chép rồi đeo trên cổ hoặc cột trên cánh tay thì người đó hay thành tất cả việc lành thanh tịnh tối thắng. Thường được Chư Thiên Long Vương ủng hộ. Lại được Chư Phật, Bồ Tát nghĩ nhớ, các Thiên Thần Chúng luôn luôn theo ủng hộ.

Nếu có người nữ Thọ Trì Thần Chú này sẽ có thể lực lớn, thường sinh con trai, Thọ Trì lúc mang thai thì thai được an ổn, khi sinh sản được an vui, không có các bệnh tật. Mọi tội tiêu diệt nhất định không còn nghi ngờ gì, do lực Phước Đức mà tiền của, lúa gạo được tăng trưởng. Lời bảo ban khiến cho người đều tin nhận, thường được tất cả điều cung kính”

.)**Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương Kinh, quyển 3** ghi nhận là:

“Lại nói Pháp Tam Ma Địa. Thời A Xà Lê quán tướng chữ **Bát-lam** (𑖀:Pram) biến thành Đại Trí, Đại Trí hoá thành **Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát** (Mahā-pratisāra-bodhisatva) có tám cánh tay, bốn mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Thân hiện màu vàng ròng, đủ Uy Đức lớn, làm thế Cống Cao không sợ hãi. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm bánh xe, tay thứ ba cầm cây Tam Xoa, tay thứ tư cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm sợi dây, tay thứ ba cầm cây búa, tay thứ tư cầm cây cung. Ngồi ở trên hoa sen, phóng ánh sáng lớn như một ngàn mặt trời, hay trừ các ác

Pháp Tam Ma Địa này. Hết thấy người nữ có con bị chết trong bào thai thời A Xà Lê y theo Pháp quán tướng thân mình là **Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī) cầm cái bình Át Già của các Hiền Thánh bên trong Mạn Noa La bí mật ấy rưới lên đỉnh đầu của người nữ, lại tưởng hết thấy đức con có Phước mỏng chẳng phải là người trong bào thai của người nữ ấy. Dùng Ân với Chân Ngôn làm Phát Khiển Tịnh Trừ tội chướng xong, lại tưởng bào thai ấy nhiếp nhập đưa con có Phước, thời người nữ kia được đưa con an ổn.

Đây gọi là **Quán Sát Nhất Thiết Thai Tạng Tuỳ Cầu Đại Trí Tối Thắng Kim Cương Tam Ma Địa**”.

.)**Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương Kinh, quyển 3** ghi nhận là:

“Bấy giờ Đức Thế Tôn Đại Biến Chiếu Kim Cương Như Lai lại nhập vào **An Ổn Nhất Thiết Thai Tạng Biến Hoá Kim Cương Tam Ma Địa**. Ra khỏi Định này xong, nói **Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“Án, ma ni đát lý (1) phộc nhật-lý ni (2) ma hạ bát-la để tát lý, sa-phộc hạ (3)”

**Om Maṇi-dhārī-vajrī mahā-pratisārī svāhā**

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn này xong, thời hết thấy tất cả Ma Oán đại ác với các hàng Đại Lực Quỷ Thần thường ở nhân gian xâm hại Hựu Tình, ăn đưa con trong bào thai ấy... nghe Đại Minh này thấy đều kinh sợ như lửa thiêu đốt thân, đi đến chỗ Đức Phật ngự thấy đều lễ bần chân của Phật rồi bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các Ma chúng con thọ nhận Tam Muội của Phật. Từ nay về sau chẳng hại chúng sinh, chẳng ăn đức con trong bào thai, ủng hộ hữu tình làm cho an ổn”

.)Liên quan đến Linh Nghiệm ấy, căn cứ theo sự ghi nhận của Kinh **Phổ Biến Quang Minh Thanh Tịnh Xí Tịnh Như Ý Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đại Tuỳ Cầu Đà La Ni** là: “Ở trong đại thành **Ca Tỳ La** (Kapila), lúc **La Hầu La** **Đồng Tử** (Rāhula) còn nằm trong thai mẹ thì mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Yasodhara) bị ném vào trong hầm lửa, bắt chợt **La Hầu La** nhớ niệm **Đà La Ni** này nên hầm lửa ấy bỗng nhiên hóa thành ao Sen.

..... Ở thành **Ma Già Đà** (Magadha) có vị vua tên là **Thí Nguyệt Thủ** (Pratisāra-pāni) không có con, dùng **Đà La Ni** này viết chép đeo ở dưới cổ phụ nhân mà cuối cùng thỏa mãn được ước nguyện”

..... Nếu có nơi nào lưu truyền Đại Tỳ Cầu Đà La Ni này, nên dùng Hương Hoa, Phướng, Lọng mọi thứ cúng dường thượng diệu. Phải dùng vải lụa thù thắng bao bọc Kinh lại, đặt ở trong cái Tháp hoặc để trên đầu cây Phướng. Dùng mọi loại âm nhạc ca vịnh tán thán, nhiều quanh cúng dường, chân thành lễ bái thì mọi mong cầu ước nguyện đều được đầy đủ.

Nếu hay y Pháp viết chép, đeo giữ trên thân thì mọi mong cầu đều được. Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái. Thai nhi an ổn lớn dần tròn đủ và sinh nở được an vui”

\_ Trong **Tỳ Cầu Bồ Tát Cấm Ứng Truyện**, quyển 3 có ghi chép các loại Linh Nghiệm có liên quan đến Đại Tỳ Cầu Đà La Ni này...

\_ Trong “**Đại Tỳ Cầu Tứ Đắc Đại Đà La Ni Minh Vương Sám Hối Pháp**” có ghi chép “**Tỳ Cầu Bát Ấn**”. Căn cứ vào sự ghi chép thì: Xưa kia Đức Thế Tôn tu học khổ hạnh, vì còn có tội, sám hối chẳng thể hết được, mới liên kết Khế Ấn này sám hối, nên hết thấy chướng nạn nhất thời diệt hết, được mười phương Chư Phật thọ ký, đời sau có tên là **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākya-muṇi-buddha)

## HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI TỖ CẦU BỒ TÁT

Đại Tỳ Cầu Bồ Tát có thân hình màu vàng đậm, đầu đội mào hoa báu bên trong có tượng Đức Phật, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, 8 cánh tay đeo vòng xuyên giơ cao lên theo dạng Vô Úy. Bên phải, theo thứ tự 4 tay cầm: Chày Kim Cương Ngũ Cổ, Kích Xoa, Kiếm báu, Búa. Bên trái, 4 tay theo thứ tự cầm: Hoa sen bên trên có bánh xe (hoặc bánh xe), rương Kinh Phạn, cây Phướng báu, sợi dây.... ngồi trên hoa sen màu đỏ.



\_ Ý nghĩa của Tôn Tượng:

- .) **Thân màu vàng đậm** đại biểu cho **Báo Thân** (Sambhoga-kāya) viên mãn
- .) **Đầu đội mào hoa báu bên trong có tượng Đức Phật** đại biểu cho năm Trí của Như Lai được gom tụ trong **Pháp Thân** (Dharma-kāya) viên mãn
- .) **Tám cánh tay** đại biểu cho ngàn trăm ức **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

)Bên phải:

**Tay chính cầm cái chày Kim Cương** đại biểu cho Tự Tính như Kim Cương, hay phá tất cả phiền não, lại chẳng bị phiền não làm cho lay động (Tức **không có chỗ trụ mà sinh Tâm ấy**). Hoặc có thể nói là chày Kim Cương đại biểu cho Tự Tính chẳng thể bị phá hoại, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng động chẳng lay, chẳng đến chẳng đi, chẳng do chẳng sạch như **Kim Cương** (Vajra)

**Tay bên trên cầm cây kích** đại biểu cho sự tòi phục quân Ma, đặc biệt chỉ **Ngoại Ma**

**Tay ở giữa cầm cây búa** đại biểu cho sự tòi phá tất cả Trọng chấp (sự chấp dính nặng nề)

**Tay bên dưới cầm cây kiếm** đại biểu cho Trí Tuệ, phá trừ tất cả Ngoại Đạo, Tà Pháp, Tà Tri, Tà Kiến

Bốn Pháp Khí này biểu thị cho Pháp **Giáng Phục** (Abhicāruka)

)Bên trái:

**Tay chính cầm bánh xe hoa sen** đại biểu cho sự thanh tịnh không có nhiễm dính thường chuyển bánh xe Pháp, rộng độ Nghiệp lớn của chúng sinh không có cùng tận

**Tay bên trên cầm rương Kinh Phạn** đại biểu cho Trí Tuệ sâu rộng như biển, vào sâu trong Kinh Tạng

Pháp Khí trong hai bàn tay này còn biểu thị cho Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika)

**Tay ở giữa cầm cái lọng** đại biểu cho Đại Bi âm thầm hộ giúp cho chúng sinh, đồng thời biểu thị cho Pháp **Tức Tai** (Sāntika)

**Tay bên dưới cầm sợi dây** đại biểu cho sự nhiếp nhận chúng sinh tiến vào Phật Đạo, lia khổ được vui, đồng thời biểu thị cho Pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa)

)**Ngồi trên hoa sen màu đỏ** đại biểu cho Thiên Định thâm sâu, trăm ngàn Tam Muội của Phật được biểu hiện trên cốt tủy của Tâm Đại Bi

Toàn thể Tôn Tượng đại biểu cho ba Thân **Pháp, Báo, Hóa** của Đức Phật với bốn loại sự nghiệp Độ Sinh: **Tức Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giáng Phục**





大隨求菩薩





Theo Chùa Thiền Lâm thì tay bên phải cầm sợi dây, tay bên trái cầm Kịch Xoa. Như vậy thì 2 vật khí này được ghi nhận trái ngược nhau. Nay căn cứ vào Bản PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ÁN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TỪY CẦU ĐÀ LA NI KINH thì 4 bài Chân Ngôn ghi trong quyển thượng biểu thị cho Vô Năng Thắng Minh Vương Đại Tâm Chân Ngôn hàm chứa 4 tay Ấn: Ngũ Cổ Kim Cương Ấn, Phủ Việt Ấn, Sách Ấn, Kiếm Ấn. Còn 4 bài Chân Ngôn ghi trong quyển hạ biểu thị cho Vô Năng Thắng Minh Phi Đại Tâm Chân Ngôn bao hàm 4 tay Ấn : Luân Ấn, Tam Cổ Xoa Ấn, Như Ý Bảo Ấn, Đại Minh Tổng Trì Ấn. Do vậy thì vật khí bên trái chính là sợi dây và vật khí bên phải chính là Cây Kịch.



Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Tôn Tượng **Đại Tùy Cầu Bồ Tát** có thân màu vàng đậm, bốn mặt: mặt chính màu vàng, hai mặt bên phải theo thứ tự có màu trắng và xanh dương đậm, mặt bên trái màu đỏ, đội mũ năm cánh sen, tám cánh tay: bốn tay bên phải theo thứ tự cầm cây kiếm, bánh xe, cây kích ba chia, mũi tên. Bốn tay bên trái theo thứ tự cầm: cây cung, sợi dây, cây búa, chày Kim Cương... nửa thân trên lỏa thể, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, thân dưới mặc quần lụa màu, ngồi trên hoa sen trắng.



大隨求菩薩 (清朝)

Ý nghĩa của Tôn Tượng:

- .) **Thân màu vàng đậm** đại biểu cho **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) viên mãn
- .) **Đầu đội mũ năm cánh sen** đại biểu cho năm Trí của Như Lai, tượng trưng cho **Pháp Thân** (Dharma-kāya) viên mãn
- .) **Bốn mặt** đại biểu cho bốn loại sự nghiệp Độ Sinh: **Tứ Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giảng Phục**. Trong đó:
  - Mặt màu vàng** biểu thị cho Công Đức **Giảng Phục**
  - Mặt màu trắng** biểu thị cho Công Đức **Tứ Tai**
  - Mặt màu xanh dương** biểu thị cho Công Đức **Tăng Ích**
  - Mặt màu đỏ** biểu thị cho Công Đức **Kính Ái**
- .) **Tám cánh tay** đại biểu cho ngàn trăm ức **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)
- .) **Bên phải:**
  - Tay cầm cây kiếm** đại biểu cho Trí Tuệ, phá trừ Tà Ma bên ngoài, diệt trừ Vô Minh phiền não bên trong
  - Tay cầm bánh xe** đại biểu cho sự thường chuyển bánh xe Pháp, rộng độ Nghiệp lớn của chúng sinh không có cùng tận
  - Tay cầm cây kích ba chia** đại biểu cho sự thuận theo **Tam Bảo** khắc phục được **Thân miệng Ý**
  - Tay cầm mũi tên** đại biểu cho Trí Tuệ Đại Bi xuyên phá sự mê tín sai lầm



.)Bên trái:

**Tay cầm cây cung** đại biểu cho **Tính trống rỗng** (Sūnyatā:Không Tính) là phương tiện khéo léo của Phật Pháp

**Tay cầm sợi dây** đại biểu cho sự cột buộc Tà Niệm, bắt trói Ma Chướng, dẫn dắt chúng sinh đi vào Chính Đạo

**Tay cầm cây búa** đại biểu cho sự phá bỏ Tà Ác, hủy diệt oán địch

**Tay cầm cái chày Kim Cương** đại biểu cho Tự Tính như Kim Cương, hay phá tất cả phiền não, lại chẳng bị phiền não làm cho lay động (tức **không có chỗ trụ mà sinh Tâm ấy**), biểu thị cho Giáo Pháp bất hoại của Đức Phật Đà

.)Ngồi trên **hoa sen màu trắng** đại biểu cho Thiền Định thâm sâu, trăm ngàn Tam Muội của Phật được biểu hiện trên thân Đại Bi thanh tịnh

\_Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng **Đại Tỳ Cầu Phật Mẫu** có thân màu vàng đậm, ba mặt: mặt chính màu vàng, mặt bên phải màu trắng mặt bên trái màu đỏ, đội mào năm cánh sen, tám cánh tay: Bên phải: tay chính cầm bánh xe, ba tay còn lại theo thứ tự cầm cây kiếm, cây kích ba chia, mũi tên. Bên trái: tay chính cầm sợi dây, ba tay còn lại theo thứ tự cầm: chày Kim Cương, cây búa, cây cung... nửa thân trên lửa thể, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, thân dưới mặc quần lụa màu, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Ý nghĩa của Tôn Tượng này cũng tương tự như bên trên, chỉ có ba mặt đại biểu cho 3 Đức: Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Trong đó

**Mặt màu vàng** biểu thị cho Đức **Pháp Thân**

**Mặt màu trắng** biểu thị cho Đức **Bát Nhã**

**Mặt màu đỏ** biểu thị cho Đức **Giải Thoát**



Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận một số Man Đala của Đại Tỳ Cầu Phật Mẫu là:







## CHỮ CHUNG TỬ, TAM MUỘI GIA HÌNH, CHÂN NGÔN CỦA ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

**Đại Tỳ Cầu Bồ Tát** này có Mật Hiệu là **Dữ Nguyệt Kim Cương**. Chung Tử là PRA (𑖫) biểu thị cho Chân Đế (𑖫\_PA: Nhất Nghĩa Đế) và Tục Đế (𑖫\_RA: Bụi của cõi tục) nên được xưng là **Lý Trí Bất Nhị Tôn**. Tam Muội Gia Hình là Rương Kinh Phạn (Phạn Khiếp) là Lý biểu thị cho **Định Tuệ Nhất Thế**.

Ngoài ra Tôn này còn có các Chung Tử khác là : SA (𑖫), VAM (𑖫), AH (𑖫), HŪM (𑖫) với Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ, Tháp Suất Đổ Ba trong đó có chứa rương Kinh Phạn.

Theo **Tỳ Cầu Bát Ấn tinh** (và) **Thập Đại Ấn** (1 Quyển\_Duy Cẩn\_Từ Vận) thì có 10 Ấn nhưng chỉ lưu truyền cho Thế Gian 8 Ấn. Tám Ấn này biểu thị cho 8 vật khí cầm tay, khi kết các Ấn này sẽ hiển hiện 8 tay của Bản Tôn. Trong đó 4 tay bên phải với 4 Chân Ngôn biểu thị cho **Vô Năng Thắng Minh Vương**; 4 tay bên trái với 4 Chân Ngôn biểu thị cho **Vô Năng Thắng Minh Phi**.

Tám Ấn Chân Ngôn là :

1. **Ngũ Cổ Kim Cương Xử Ấn** (Căn Bản Ấn): Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi nắm lại thành quyền (Nội tương Xoa) hợp cứng 2 ngón giữa, đặt 2 ngón trỏ ở sau ngón giữa và hơi co lại như móc câu. Đầu hợp cứng 2 ngón út và 2 ngón cái rồi hơi co lại liền thành. Ấn này còn được gọi là Tỳ Cầu Đại Hộ Minh Vương Ấn, Phát Bồ Đề Tâm Ấn, Sám Hối Ấn. Khi kết xong thì gia trì ở 5 nơi là: trái tim, đỉnh đầu, tam tinh, lông mày bên phải, lông mày bên trái. Chân Ngôn là A VIRĀ HŪM KHAM, trong đó A (𑖫: Trì quốc\_Giữ gìn đất nước), VĪ (𑖫: Đại Bi làm gốc), RA (𑖫: Phương tiện làm cứu cánh), HŪM (𑖫: Tất cả Như Lai Bí Mật Thần Thông), KHAM (𑖫: Các Pháp chân thật\_Tất cả các Pháp rốt cuộc quy về Không Không) hoặc dùng **Đại Chân Ngôn**.



Đại Chân Ngôn tên Phạn là **Mahā-pratisāra-vidya-dhāraṇī** lại ghi là: Tỳ Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni, Đại Tỳ Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni, Tỳ Cầu Tức Đắc Chân Ngôn. Lược xưng là Tỳ Cầu Đà La Ni. Đây là Chân Ngôn hay tiêu diệt tất cả tội chướng, phá trừ nẻo ác, tùy sự mong cầu liền được phước đức.

Câu chữ của Chân Ngôn này thì các Kinh ghi không giống nhau. Tuy vậy nội dung của Chân Ngôn thì không khác nhau bao nhiêu. Ví dụ Bản của Ngài Đại Quảng Trí BÁT KHÔNG ghi là MAMA SARVA SATVĀNĀMCA (𑖫𑖫 𑖫𑖫 𑖫𑖫 𑖫𑖫: Tôi và tất cả chúng hữu tình) thì bản của Ngài BẢO TỰ DUY ghi là MAMAṢYA (𑖫𑖫𑖫: Nhóm chúng tôi) hoặc một vài câu có ghi trong bản này nhưng không được ghi trong bản kia. Tựu trung nội dung của Bài Đại Chân Ngôn có thể chia làm ba đoạn

Đoạn đầu biểu thị cho **lý Quy mệnh chư Phật Bồ Tát và Tam Bảo**

Đoạn giữa diễn nói là **Tỳ Cầu Bồ Tát bạt té hết thảy tội chướng, sự sợ hãi, bệnh tật của tất cả chúng sinh khiến cho thân tâm an vui, viên mãn sự mong cầu**

Đoạn cuối diễn nói là **Người thọ trì Đà La Ni sẽ được các hàng Trời, Rồng, Quý Thần... thủ hộ và được sự hộ niệm của tất cả Như Lai.**

2. **Phủ Việt Ấn** : Tay trái úp, tay phải ngửa sao cho dính lưng nhau. 10 ngón tay cùng trợ nhau móc lưng như hình cái búa.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Chân Ngôn**:

OM\_ SARVA-TATHĀGATA-MŪRTTE PRAVARA VIGATI, BHAYE ŚAMAYĀM SVAME BHAGAVATI, SARVA-PĀPEBHYAḤ SVASTIRBHAVATU, MUṆI MUṆI VIMUṆI CARE CALANI, BHAYA VIGATE, BHAYA HĀRAṆI, BODHI BODHI, BODHIYA BODHIYA, BUDHILI BUDHILI, SARVA-TATHĀGATA-HṚDAYA JUṢṬAI SVĀHĀ

3. **Sách Ấn**: Hai tay nội tương xoa, dựng 2 ngón giữa rồi hơi co lại sao cho phần trên trụ dính nhau giống như hình sợi dây liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Ấn Chân Ngôn**:

OM\_ VAJRA-VATI VAJRA PRATIṢṬITE ŚUDDHE, TATHĀGATA-MUDRA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRE SVĀHA

4. **Kiểm Ấn**: Chắp 2 tay, co lóng giữa của 2 ngón giữa khiến cho đầu ngón cùng trụ nhau liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Bị Giáp Chân Ngôn**:

OM\_ MUṆI MUṆI MUṆI VARE, ABHIṢIMCA TUMĀM, SARVA-TATHĀGATA SARVA-VIDYA ABHIṢEKAI, MAHĀ-VAJRA-KAVACA-MUDRA MUDRITEḤ, SARVA-TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ

5. **Luân Ấn**: Hai tay Ngoại tương xoa, hợp đứng 2 ngón vô danh, giao cứng 2 ngón út liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Chân Ngôn**:  
OM\_ AMṚTA VARE, VARA VARA PRAVARA VIṢUDDHE, HŪM HŪM  
PHAT PHAT SVĀHĀ

6. **Tam Cổ Xoa Ấn** : Hai ngón cái vịn trên móng 2 ngón út. Các ngón còn lại hợp cứng như hình Tam Kịch Xoa liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Kết Giới Chân Ngôn**:  
OM\_ AMṚTA-VILOKINI-GARBHA SAMRAKṢAṆI ĀKARṢAṆI, HŪM  
HŪM PHAT PHAT SVĀHĀ

7. **Như Ý Bảo Ấn**: Hai tay Ngoại tương xoa, 2 ngón trở trụ như hình Báu, kèm cứng 2 ngón cái liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Trung Tâm Chân Ngôn**:  
OM\_ VIMALE-JAYA-VARE-AMṚTE HŪM HŪM HŪM HŪM PHAT  
PHAT PHAT PHAT SVĀHĀ

8. **Đại Minh Tổng Trì Ấn**: Tay trái giữa ngay trái tim, đem tay phải úp trên tay trái, cùng cài nhau khiến cho bằng phẳng liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tùy Tâm Chân Ngôn**:  
OM\_ BHARA BHARA SAMBHARA SAMBHARA INDRIYA  
VIṢODHĀNE NŪM HŪM RURU CALE SVĀHĀ



Tám Ấn Chân Ngôn này biểu thị cho Lý Trí. Riêng Ấn thứ tám (Phạn Khiếp Ấn) dung hòa 5 Trí của 2 Bộ. Tất cả chư Phật Pháp Tạng dùng 5 Trí làm gốc. 5 Trí của 2 Bộ hòa hợp biểu thị cho một Đại Pháp Giới, trong Cung Pháp Giới này dung nhiếp tám vạn Pháp Tạng. Đại Sư nói theo thứ tự là **Nghịch chuyển Tiểu Thừa, Thuận chuyển Đại Thừa**. Trong rương Kinh Phạn dung nạp nghĩa thú rõ ràng của tất cả Giáo Pháp về Đại Tiểu Thừa cho nên Ấn Ngôn này có công năng thù thắng. Do vậy Ấn Ngôn này thường được dùng để tác Bản Tôn gia trì. Ngoài ra tụng Tùy Tâm Chân Ngôn có thể làm ngưng các tai nạn, diệt tội chướng và tất cả nguyện cầu đều được mãn túc. Riêng Tùy Tâm Chân Ngôn thì Bản của Ngài Bảo Tư Duy có ghi thêm câu KURU CALE (कुुरु काले: Làm cho lay động) vào cuối Bài Chú mà các Bản khác không có.

Thông thường người tu Mật Pháp này hay trì tụng Lược Pháp của 8 Ấn Chân Ngôn là:

1. ॐ वज्रय? ह्रद

OM VAJRĀYA SVĀHĀ (Ngũ Cổ)

2. ॐ प[र]शु ह्रद

OM PRAŚŪ SVĀHĀ (Việt Phủ)

3. ॐ प[र]शु ह्रद

OM PĀŚA SVĀHĀ (Quyển sách:sợi dây)

4. ॐ खड्ग ह्रद

OM KHADGA SVĀHĀ (Bảo Kiếm)

5. ॐ चक्र ह्रद

OM CAKRA SVĀHĀ (Luân)

6. ॐ त्रिशूल ह्रद

OM TRISŪLA SVĀHĀ (Tam Cổ Xoa)

7. ॐ चिन्तामणि ह्रद

OM CINTĀMAṆI SVĀHĀ (Bảo:viên ngọc Như Ý)

8. ॐ महविद्याधरणि ह्रद

OM MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆI SVĀHĀ (Phạn Khiếp:Rương Kinh Phạn).

Tám Đạo Chú này đều được 99 ức trăm ngàn na do tha hằng hà sa đấng chư Phật cùng nhau diễn nói, cùng nhau khen ngợi, cùng nhau tùy hỷ nên 8 Chân Ngôn này có thể lực lớn, hay giáng phục Ma Chúng. Nếu viết chép, đeo giữ, tâm thường ghi nhớ 8 Đạo Chú này thì tất cả mộng ác, tướng ác, việc Bất Cát Tường chẳng phạm vào thân.

Đôi khi các bậc Đạo Sư lại gom 8 Đạo Chú trên thành một câu và truyền dạy cho đệ tử là:

ॐ वज्र प[र]शु प[र]शु खड्ग चक्र त्रिशूल चिन्तामणि महविद्याधरणि ह्रद

OM VAJRA PARAŚŪ PĀŚA KHADGA CAKRA TRISŪLA CINTĀMAṆI MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆI SVĀHĀ

Ngoài ra trong Kinh Tạng còn ghi nhận thêm một câu Chú khác của Đại Tùy Cầu Bồ Tát là:

ॐ मणिधरि वज्रिणि महप्रतिशरि ह्रद

OM MAṆI-DHĀRI VAJRIṆI MAHĀ-PRATISĀRI SVĀHĀ

Trong trang web dharanisangraha của Nepal có ghi nhận câu Chú của Đại Tùy Cầu (Pratisarā-dhāraṇī) là:

ॐ मणिधरि वज्रिणि महप्रतिशरि ह्रद ह्रद ह्रद ह्रद ह्रद ह्रद ह्रद ह्रद

OM MAṆI-DHĀRI VAJRIṆI MAHĀ-PRATISĀRE HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ



## ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI CHÚ LUÂN

**Chú Luân** này là **Chú Văn** của **Đại Tùy Cầu Đà La Ni**. Đại Tùy Cầu Bồ Tát có tám cánh tay đều cầm Pháp Khí: chày Kim Cương, cây búa, sợi dây, cây đao, Ngọc Như Ý, bánh xe, cây kích, rương Kinh... ngồi trong hào quang tròn lớn, bên trong hào quang tròn ghi chép đầy đủ Đà La Ni bằng Phạn Văn

Công Đức lợi ích của Đại Tùy Cầu Đà La Ni Chú Luân: Nếu người y theo Pháp viết chép Đại Tùy Cầu Đà La Ni này rồi đeo ở cổ, trên cánh tay thì nên biết

Người này là nơi mà tất cả Như Lai đã gia trì

Người này ngang bằng đồng với thân của tất cả Như Lai

Người này là thân Kim Cương bền chắc

Người này là thân của tất cả Như Lai Tạng

Người này là con mắt của tất cả Như Lai

Người này là thân ánh sáng rực rỡ của tất cả Như Lai

Nên biết người này hay tột phá tất cả Oán Địch

Người này hay thiêu đốt tất cả tội chướng

Người này hay tịnh hóa được nẻo Địa Ngục







唵 嘛 呢 叭 彌 吽

南無 阿彌陀佛 南無 阿彌陀佛 南無 阿彌陀佛 南無 阿彌陀佛 南無 阿彌陀佛



普通光明淨顯曼如意寶印心無量勝大明王大隨求陀羅尼  
 室剛頂瑜伽最勝祕密成佛隨求即得神變加持成就陀羅尼

唵 嘛 呢 叭 彌 吽



樂多-飛天馬的家 <http://blog.roodo.com/flyhorse/>



## CÔNG HIỆU CỦA PHÁP ĐẠI TÙY CẦU

Do **Đại Tỳ Cầu** cũng là ý tưởng **tất cả sự mong cầu đều được như nguyện**, cho nên Pháp Đại Tỳ Cầu có Uy Lực thỏa mãn mọi nguyện cầu thuộc Thế Gian (tài phú, mạnh khỏe, sống lâu) với Xuất Thế Gian (cầu sinh về Tịnh Thổ, thành Phật). Công hiệu của Pháp Đại Tỳ Cầu là:

- 1\_ Thành tựu tất cả Chân Ngôn Pháp
  - 2\_ Hay tòi diệt tội nặng cực ác khó điều phục
  - 3\_ Chiến đấu ở nơi nguy hiểm chẳng bị Oán Địch hủy hoại mà đều diệt hoại được kẻ địch, cuối cùng không có sợ hãi Oán Địch
  - 4\_ Hoại diệt được các Quỷ My: mạnh ác, hút Tinh Khí, Quỷ My thường hại hữu tình
  - 5\_ Chẳng bị các Pháp **Chú Trớ** gây hại, chẳng bị trúng **Cổ Độc**
  - 6\_ Hết thảm tai nạn về: nước, lửa, đao gậy, chiến tranh, sấm sét, mưa đá sương mù, gió mạnh bạo, mưa ác... đều được giải thoát
  - 7\_ Mọi sự cầu nguyện đều thành, tất cả ước nguyện thấy đều được như ý
  - 8\_ Nếu người nữ mang thai, trì Đà La Ni này đều hay khiến cho thai nhi bình yên, sinh nở được an vui
  - 9\_ Lời nói ra khiến người ưa thích nghe, đi đến chỗ nào đều nhận được sự cung kính
  - 10\_ Chẳng gặp mộng ác, ngủ nghỉ được an lành
  - 11\_ Giúp cho vong linh được sinh về cõi Trời
  - 12\_ Hay ngưng dứt được sự đấu tranh kiện tụng
  - 13\_ Hay trừ khử loài trùng gây hại cho nhà nông, khiến cho tất cả mầm lúa, hoa quả đều được tăng trưởng, có mùi thơm, vị ngon ngọt
  - 14\_ Khi khí hậu khô hạn nắng lâu dài, do uy lực của Đà La Ni này thời Long Vương cùng nhau vui vẻ, tuôn mưa kịp thời giúp cho trăm họ
  - 15\_ Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái
  - 16\_ Hay lia mọi loại Ma Nghiệp, hay đập tan tất cả Ma Chúng, hay chặt đứt sự ngăn trở của tất cả **Ma La** (Māra: loài Ma)
  - 17\_ Hay chặt đứt tất cả Tập Khí
  - 18\_ Hay khiến cho chúng sinh có Tâm ác, khởi lên Tâm **Đại Từ**
  - 19\_ Hay ở tất cả nơi chôn được Đại Cúng Đường như Phật Đại Sư Lương Túc Tôn
  - 20\_ Người ngày ngày trì tụng, được Đại Thông Tuệ, Đại Uy Lực, Đại Cần Dũng, Đại Biện Tài thành tựu
  - 21\_ Sẽ khiến cho Tinh Khí nhập vào thân, tăng thêm uy lực, thân tâm thường được vui thích
  - 22\_ Nếu có loài Bàng Sinh, cảm thú mà lỡ tai được nghe qua Đà La Ni này thì nhóm ấy thấy đều đối với Vô Thượng Bồ Đề, vĩnh viễn chẳng thoái lui
  - 23\_ Chứng Đại Niết Bàn
- Tổng kết công hiệu của tất cả thì **Đại Tỳ Cầu** có thể nói là không có điều gì chẳng thể làm được: Thế Gian với Xuất Thế Gian đều có công hiệu rất lớn. Trong nhiều loại Mật Chú là điều hiếm có. Nhân đây, **Đại Tỳ Cầu** rất thích hợp với Cư Sĩ tại gia